

34. Xã Phú Xuyên

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Trục Quốc lộ 37					
1	Đoạn 1	Giáp đất xã Phú Thịnh	Đỉnh dốc Mon (đường rẽ xã Chính Phú 3)	5.000	3.500	3.500
2	Đoạn 2	Đỉnh dốc Mon (đường rẽ xã Chính Phú 3)	Cầu Trà	5.500	3.850	3.850
3	Đoạn 3	Cầu Trà	Ngã 3 đường rẽ vào xóm Khuôn Muống	6.000	4.200	4.200
4	Đoạn 4	Ngã 3 đường rẽ vào xóm Khuôn Muống	Kiot Xăng Dầu Số 16	6.200	4.340	4.340
5	Đoạn 5	Kiot Xăng Dầu Số 16	Ngã 3 đường rẽ xóm Đầm Làng	4.500	3.150	3.150
6	Đoạn 6	Ngã 3 đường rẽ xóm Đầm Làng	Hết đất xã Phú Xuyên	4.000	2.800	2.800
	Trục phụ Quốc lộ 37					
1	Tuyến 1	Quốc lộ 37 (dốc Mon)	Hết đất xã Phú Xuyên, giáp xã La Bằng: Từ ngã ba nhà Đến nhà văn hóa xóm Chính Phú 1 + 400M Về 2 Phía	1.600	1.120	1.120
2	Tuyến 2	Quốc lộ 37	Trạm y tế cũ xã Phú Xuyên + 300M	2.000	1.400	1.400
3	Tuyến 3	Quốc lộ 37 (Cây Đa Đồi)	Ngã 3 đầu Tiên	1.800	1.260	1.260
4	Tuyến 4	Quốc lộ 37 (Cây Đa Đồi)	Hết đất Trường Trung học cơ sở xã Phú Xuyên + 500M	2.100	1.470	1.470
5	Tuyến 5	Hết đất Trường Trung học cơ sở xã Phú Xuyên + 500M	Ngã tư đường đi xã Phú Thịnh	1.600	1.120	1.120
6	Tuyến 6	Ngã tư đường đi xã Phú Thịnh	Hết đất Trường Trung học cơ sở Việt Ân + 150M	1.300	910	910
7	Tuyến 7	Quốc lộ 37 (Cây Đa 1)	Ngã tư đường rẽ Trường Trung học cơ sở Việt Ân	2.100	1.470	1.470
8	Tuyến 8	Quốc lộ 37 (xóm Giữa)	Ngã 3 xóm Khuôn Muống	1.500	1.050	1.050
9	Tuyến 9	Quốc lộ 37 (Đập Phai Phố)	Hồ Khuân Nanh	1.500	1.050	1.050
9.1		Quốc lộ 37 (Từ ngã ba Chợ Yên Lãng)	Hết đất Chi nhánh Ngân Hàng Nông Nghiệp xã Yên Lãng	3.600	2.520	2.520
9.2		Giáp đất Chi nhánh Ngân Hàng	Công văn phòng Mỏ Than Núi Hồng	3.000	2.100	2.100
9.3		Công văn phòng Mỏ than Núi Hồng	Đường rẽ vào Bàn Cấn	2.400	1.680	1.680
9.4		Đường rẽ vào Bàn Cấn	Núi Đá Voi (xóm Cây Hồng)	2.100	1.470	1.470
II	Tỉnh lộ 264 từ ngã ba Khuôn Ngàn đi Minh Tiến					
1	Đoạn 1	Quốc lộ 37 (ngã ba Khuôn Ngàn)	Hết đất xã Phú Xuyên	4.000	2.800	2.800
III	Các đường còn lại					

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
1	Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông					
1.1	Độ rộng đường $\geq 5m$			1.500	1.050	1.050
1.2	Độ rộng đường từ $\geq 3,5m$ đến $< 5m$			1.350	950	950
1.3	Độ rộng đường từ $\geq 2m$ đến $< 3,5m$			1.200	840	840
1.4	Độ rộng đường $< 2m$			1.000	700	700
2	Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông					
2.1	Độ rộng đường $\geq 3m$			750	530	530
2.2	Độ rộng đường $< 3m$			600	420	420

35. Xã Đức Lương

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Tỉnh lộ 264 (Từ ngã ba Khuôn Ngàn đi xã Bình Thành)					
1	Đoạn 1	Giáp đất xã Phú Thịnh	Hết Đầm Thắm Mỗ	1.200	840	840
2	Đoạn 2	Hết Đầm Thắm Mỗ	Cầu Cảnh Thịnh xã Đức Lương	1.800	1.260	1.260
3	Đoạn 3	Cầu Cảnh Thịnh	Trạm Bơm điện	2.800	1.960	1.960
4	Đoạn 4	Trạm Bơm điện	Hết đất xã Đức Lương (giáp đất xã Bình Thành)	1.800	1.260	1.260
II	Đường trục xã					
1	Tuyến 1	Ngã ba đường rẽ vào Trụ Sở Đảng Ủy	Hết Sân Vận Động	1.500	1.050	1.050
2	Tuyến 2	Hết đất Sân Vận Động	Đường 263	800	560	560
3	Tuyến 3	Ngã 3 (đường tỉnh 264)	Ngã 3 Trạm điện Hòa Tiến 2	1.500	1.050	1.050
4	Tuyến 4	Ngã 3 (Trạm điện Hoà Tiến 2)	Đi xã Bình Thành	1.000	700	700
5	Tuyến 5	Ngã 3 (Trạm điện Hoà Tiến 2)	Nhà văn hóa xóm Lưu quang 1	1.500	1.050	1.050
6	Tuyến 6	Cầu Bến Đình	Giáp đất Phú Thịnh	800	560	560
III	Tỉnh lộ 263 (Từ ngã ba Phú Minh - đi xã Hợp Thành)					
1	Đoạn 1	Giáp đất xã Phú Lạc	Chùa Thiên La quang	1.300	910	910
2	Đoạn 2	Chùa Thiên La quang	Đường rẽ Hồ Đầm Làng	2.500	1.750	1.750
3	Đoạn 3	Đường rẽ Hồ Đầm Làng	Đường rẽ xóm Cây Thống	1.200	840	840
4	Đoạn 4	Đường rẽ xóm Cây Thống	Đường rẽ xóm Cỏ Rôm	2.300	1.610	1.610
5	Đoạn 5	Đường rẽ xóm Cỏ Rôm	Hết đất xã Đức Lương giáp xã Hợp Thành cũ	1.100	770	770
6	Đoạn 6	Giáp đất xã Phú Thịnh	Tỉnh lộ 263 (Thuộc xã Đức Lương)	1.000	700	700
IV	Các đường còn lại					
1	Các tuyến có mặt đường là đường nhựa, bê tông					
1.1	Độ rộng đường ≥ 3m			750	530	530
1.1	Độ rộng đường < 3m			600	420	420
2	Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông					
2.1	Độ rộng đường ≥ 3m			500	350	350
2.2	Độ rộng đường < 3m			400	280	280